

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

DANH SÁCH XÉT TUYỂN ĐỢT 2 NĂM 2024

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
1	633	6720102	2010	Vũ Đăng	Hải	19/07/1992	Nam	1901		18092	1	5.3	7.8	13.9
2	558	6720102	2021	Lê Xuân	Đạt	17/10/2003	Nam	1903		19040	2NT	7.2	8.7	16.4
3	495	6720102	2007	Nguyễn Khắc	Cường	31/03/1989	Nam	1907		1086	2	5.9	5.3	11.5
4	478	6720102	2001	Nguyễn Ngọc	Anh	11/10/1982	Nam	1901		19022	2NT	7.6	5.8	13.9
5	452	6720102	2002	Nguyễn Thị	Thao	10/09/1984	Nữ	1901		19026	2NT	6.3	6.3	13.1
6	449	6720102	2012	Trình Thị	Oanh	04/04/1994	Nữ	2102		10003	1	5.8	6.7	13.3
7	428	6720102	2007	Nguyễn Thị	Dung	09/12/1989	Nữ	4603		19004	2NT	5.9	8	14.4
8	430	6720102	2004	Ngô Thị Thu	Hiền	25/01/1986	Nữ	1901		19036	2	7.2	7.6	15.1
9	425	6720102	2007	Nguyễn Ngọc	Lân	19/06/1990	Nam	1905		19021	2NT	7.9	7.1	15.5
10	417	6720102	2003	Nguyễn Quang	Hương	28/07/1982	Nam	1901		19031	2	6.9	6.2	13.4
11	415	6720102	2020	Bùi Thị	Hằng	05/06/2002	Nữ	1904		19011	2NT	7.5	7.8	15.8
12	413	6720102	2016	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	29/12/1998	Nữ	1908		19016	2	8.9	7.9	17.1
13	407	6720102	2008	Ngô Thị	Đào	04/02/1989	Nữ	1902		19017	2	6.5	5.6	12.4
14	254	6720102	2009	Nguyễn Thị	Quỳnh	17/04/1991	Nữ	1906		19043	2NT	5.4	6.3	12.2
15	236	6720102	2008	Nguyễn Thị Nội	Dương	09/09/1990	Nữ	1905		19029	2NT	6.6	6.2	13.3

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT UT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
16	273	6720102	2013	Vũ Tiến	Thông	23/11/1995	Nam	1904		19011	2NT	7.1	6.2	13.8
17	272	6720102	2011	Nguyễn Thị	Nụ	01/08/1993	Nữ	1902		19043	2NT	8	7.8	16.3
18	102	6720102	2002	Phạm Ích	Cải	18/08/1983	Nam	1809		19011	2NT	5	5.6	11.1
19	2	6720102	2005	Trần Anh	Linh	24/04/1987	Nam	1902		19009	2	8	6.7	15.0
20	631	6720201	2007	Nguyễn Thu	Hương	16/04/1989	Nữ	1908		19024	2NT	5.6	5.1	11.2
21	639	6720201	2019	Phạm Hải	Hoàng	17/03/2001	Nam	1904		19012	2	7.6	7.3	15.2
22	549	6720201	2008	Phạm Văn	Vĩnh	18/06/1990	Nam	1901		19022	2NT	8.2	7.9	16.6
23	514	6720201	2016	Đỗ Văn	Khá	12/03/1998	Nam	1904		19024	2NT	6.7	7.3	14.5
24	420	6720201	2004	Ngô Thị Thúy	Chinh	10/10/1981	Nữ	1904		19013	2	5.6	5.7	11.6
25	175	6720201	2013	Ngô Trí	Bình	24/06/1995	Nam	1905		19026	2NT	7.7	7.3	15.5
26	320	6720201	2006	Nguyễn Thị Bích	Nguyễn	12/04/1988	Nữ	1902		19012	2	8.5	8	16.8
27	288	6720201	2018	Đinh Minh	Long	29/12/2000	Nam	1908		19014	2NT	7.9	8	16.4
28	229	6720201	2018	Nguyễn Công	Minh	17/08/2000	Nam	1803		19056	2	8	7	15.3
29	219	6720201	2006	Nguyễn Thị	Thắm	15/10/1988	Nữ	1908		19024	2NT	7.6	6.6	14.7
30	165	6720201	2008	Nguyễn Thị	Thắm	23/02/1990	Nữ	1907		19050	2	6.7	7.5	14.5
31	163	6720201	2016	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/06/1998	Nữ	1902		19024	2NT	6.3	7.3	14.1
32	107	6720201	2000	Đỗ Thị	Mừng	03/01/1982	Nữ	1901		28048	1	5.1	5.2	11.1
33	82	6720201	2002	Nguyễn Thê	Tài	26/11/1984	Nam	1903		19024	2NT	6.9	6.5	13.9
34	56	6720201	1998	Phạm Thị	Thủy	20/05/1980	Nữ	1905		19014	2NT	5.6	6.3	12.4
35	54	6720201	2011	Nguyễn Thị	Hà	21/11/1993	Nữ	1908		18035	1	6.8	7	14.6
36	6	6720201	2008	Hoàng Hoa	Quỳnh	17/07/1990	Nữ	1809		19018	2NT	6	6.9	13.4

STT	Mã HS	Ngành	NTN	Họ và tên		Ngày sinh	GT	HK	ĐT ƯT	Nơi TN	KV	ĐM1	ĐM2	ĐTC
37	469	6720201	2004	Nguyễn Thị	Thủy	17/07/1986	Nữ	1906		19009	2	7.3	7.2	14.8

CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 1

Nguyễn Thị Cẩm

CÁN BỘ NHẬP ĐIỂM 2

Nguyễn Thị Tần

CÁN BỘ KIỂM DÒ 1

MR

Nguyễn Thị Thùy Vân

CÁN BỘ KIỂM DÒ 2

Thuy

Đào Thị Dung Nguyễn



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Nguyễn Thị Dung